

BỘ Y TẾ
ĐẠI HỌC Y DƯỢC TP.HCM

ĐỀ THI TỐT NGHIỆP BÁC SĨ ĐA KHOA NĂM 2015 – LẦN 2

HỆ: CHÍNH QUY 6 NĂM

MÔN THI: TỔNG HỢP HỆ NGOẠI

THỜI GIAN THI: 90 PHÚT (120 Câu)

đáp án của nó rất đúng

MÃ ĐỀ 021

1. Bệnh nhân nam. 50 tuổi, tắc ruột do dính sau mổ vết thương bụng 1 năm trước, vào viện sau khởi phát 2 ngày, cân nặng 67kg (ngày thường là 70kg), không sốt, Hct 46%, Urê/máu: 7.5 mmol/L, Creatinin/máu: 92 μ mol/L, Na: 135 mmol/L K: 3.7mmol/L Cl: 98 mmol/L. Ông Levin ra 500ml dịch xanh. Thể tích dịch cần truyền trong 24 giờ đầu của bệnh nhân này

A. 1500 – 2000ml

B. 4500 – 5000ml

C. 3500 – 4000ml ✓

D. 5500 – 6000ml

E. 2500 – 3000ml

giảm 3kg, ông Levin ra 500ml nên nghĩ vậy, ko chắc

2. Chẩn đoán hẹp môn vị do ung thư dạ dày, CHỌN CÂU SAI

A. X quang dạ dày: vùng hang-môn vị có hình hẹp lối táo ✓

B. Sờ được u nằm trên rốn ✓

C. Dấu Bouveret ft gấp ✓

D. Thường gặp ở tuổi 40-60 ✓

E. Có tiền căn đau từ nhiều năm

3. Bệnh nhân nữ 35 tuổi, vào viện vì đau hố chậu phải 2 ngày. Kinh nguyệt đều, vòng kinh 30 ngày, kinh cuối cách nhập viện khoảng 14-15 ngày, Không sốt. Niêm hồng. Ấn đau vừa hạ vị và hố chậu phải, không đề kháng. Bạch cầu 8,5G/L, bạch cầu đa nhân trung tính 75%. CRP 5mg/L. Hematocrit 38%. Siêu âm có ft dịch hạ vị và hố chậu phải. Chẩn đoán nghĩ đến nhiều nhất là

A. Viêm ruột thừa

B. Con đau quặn thận

C. Thai ngoài tử cung vỡ

D. Nang hoàng thể xuất huyết ✓

E. Viêm manh tràng

WBC và CRP bình thường --> loại ruột thừa đang ở N14-15 sao nang hoàng thể XH được

4. Cận lâm sàng chẩn đoán xác định trĩ là

A. Nội soi trực tràng ✓

B. Chụp đại tràng cản quang

C. Thử máu trong phân

D. Chụp cộng hưởng từ

E. Siêu âm hậu môn

5. Đau trong nội tạng bụng

A. Ruột đau khi bị căng trương quá mức

B. Đau khi ruột bị đâm thủng

- C. Tương tự như cảm giác đau ở ngoại biên
 D. Đau khi mặc treo bị cắt
 E. Cảm giác đau thường rõ ràng, tương ứng với thành bụng trước

6. Vị trí các búi trĩ to thường gặp là

- A. 7, 11, 2 giờ
 B. 2, 4, 11 giờ
 C. 2, 4, 7, 11 giờ
 D. 4, 7, 11 giờ
 E. 2, 4, 7 giờ

7. Sinh lý bệnh của hẹp môn vị. CHỌN CÂU SAI

- A. Mất nước
 B. Mất điện giải
 C. Suy thận trước thận

suy dinh dưỡng mà

D. Tăng Albumin trong máu do tình trạng cô đặc

E. Kèm chuyển hóa

8. Chảy máu trong ổ bụng trong chấn thương bụng, triệu chứng có giá trị chẩn đoán là

- A. Nghe nhu động ruột giảm
 B. Ấn bụng ở xa nơi thương tổn bệnh nhân bị đau
 C. Tiểu máu
 D. Ói máu
 E. Mạch nhanh

9. Sỏi đường mật ở Việt Nam liên quan đến tình trạng nhiễm kí sinh trùng đường ruột. Bệnh nhân thường đến bệnh viện với 3 triệu chứng thường gặp, thứ tự xuất hiện 3 triệu chứng này gọi là tam chứng Charcot. Hãy chọn triệu chứng và trình tự xuất hiện (trước - sau) cho đúng

- A. Sốt, vàng da và đau dưới sườn phải
 B. Sốt, đau dưới sườn phải và vàng da
 C. Đau dưới sườn phải, vàng da và sốt
 D. Vàng da, sốt và đau dưới sườn phải
 E. Đau dưới sườn phải, sốt và vàng da

10. Bệnh trĩ là sự phình giãn của tĩnh mạch ở ống hậu môn. Yếu tố thuận lợi, giới tính và lứa tuổi bị bệnh là. CHỌN CÂU SAI

A. Ụ bướu hậu môn-trực tràng

B. Bụng bụng kéo dài

C. Gặp ở mọi lứa tuổi

D. Nam giới dễ bị hơn

E. Táo bón kinh niên

11. Bệnh nhân nữ, 52 tuổi, hay chảy dịch hôi ở vùng hậu môn, khám thấy 1 lỗ rò ngoài ở vị trí 8 giờ, xơ chai ít, cơ thắt co tốt. Theo định luật Goodsall, lỗ rò trong của bệnh nhân ở vị trí mấy giờ

A. 10

B. 2

C. 12

D. 6

- 8
12. Nuốt nghẹn gặp trong. **CHỌN CÂU SAI**
- A. Tồn thương thần kinh thanh quản quặt ngược *thần kinh*
 - B. Co thắt tâm vị
 - C. Teo hẹp thực quản do hóa chất
 - D. Ung thư thực quản
 - E. Viêm thực quản do trào ngược dịch vị
13. Tình huống nào làm chẩn đoán viêm phúc mạc khó khăn. **CHỌN CÂU SAI**
- A. Bệnh nhân mới mổ
 - B. Người có tiền sử phẫu thuật do viêm phúc mạc
 - C. Người béo phì
 - D. Bệnh nhân tâm thần
 - E. Bệnh nhân dùng thuốc an thần
14. Yếu tố nào dưới đây giúp phân biệt giai đoạn tụ mủ và giai đoạn viêm lan tỏa của áp-xe nông
- A. Đau nhức, liên tục tăng dần, khu trú ở một vùng
 - B. Sốt, ớn lạnh, trạng thái uể oải, nhức đầu
 - C. Đau khi sờ ấn, cứng ở trung tâm và đóng bánh ở viền ngoài
 - D. Dấu chuyển sống *Ném*
 - E. Đau giảm đi
15. Bệnh nhân có thai 38 tuần, bị đau bụng cấp 3 ngày nghi viêm ruột thừa. Bạch cầu 12G/L, đa nhân trung tính 90%. Siêu âm bụng: bình thường, Cần làm cận lâm sàng gì để chẩn đoán
- A. Chụp cắt lớp vi tính bụng chậu cân quang
 - B. X-quang bụng
 - C. Siêu âm đầu dò âm đạo
 - D. Nội soi ổ bụng chẩn đoán
 - E. CRP
- uptodate: siêu âm trước --> ko chẩn đoán được thì MR CT. Mổ: nên mổ mở; mổ nội soi đang được nghiên cứu nói làm tăng tỉ lệ sảy thai
16. Yếu tố nào **KHÔNG** phải là yếu tố thuận lợi cho ung thư tụy
- A. Ăn nhiều mỡ
 - B. Tiểu đường *gặp 2 lần*
 - C. Hút thuốc lá *5 lần*
 - D. Nang giả tụy
 - E. Viêm tụy mạn
- Nam, da đen. Tuổi 60-80*
17. Bệnh nhân nam, 50 tuổi, đến khám tại phòng khám bệnh viện huyện, kết quả sinh thiết của bệnh phẩm được lấy qua nội soi dạ dày: carcinoma tuyến ở giai đoạn xâm nhập. Anh chị cho biết carcinoma tuyến dạ dày ở giai đoạn xâm nhập là ung thư xâm lấn vượt quá lớp nào của thành dạ dày
- A. Dưới niêm mạc
 - B. Màng đáy
 - C. Cơ niêm
 - D. Thanh mạc
 - E. Cơ
18. Vi khuẩn gây ra Viêm phúc mạc thứ phát thường gặp nhất là

- A. Staphylococcus spp
- B. Streptococcus spp
- C. Entamoeba histolytica
- ☒ D. Enterobacter spp
- E. Clostridium perfringens

19. Bệnh nhân nữ 80 tuổi, gầy ốm, bị đau bụng, bí trung đại tiện 3 ngày nay, nôn ói nhiều, đau mất trong đùi bên phải. Khám bụng chướng, có dấu rắn bò. X quang bụng đứng: nhiều mức nước hơi giữa bụng. Chẩn đoán là

- A. Xoắn ruột non
- B. Thoát vị đùi bên phải
- ☒ C. Thoát vị lỗ bịt
- D. Ung thư đại tràng
- E. Bướu ruột non

20. Bệnh nhân nữ 28 tuổi, đau âm i vùng thượng vị khoảng 10 giờ, không sốt, không ói, tiêu lỏng 1 lần, kinh chót đã 25 ngày. Tiền căn: khỏe mạnh. Tinh táo, niêm hồng. Ấn đau nhẹ điểm ở hố chậu phải, các vùng khác của bụng mềm và ấn không đau. Chẩn đoán nào không được bỏ sót

✓ sau này 28 htn nhón n

- A. Viêm loét dạ dày
- ☒ B. Viêm ruột thừa
- C. Thai ngoài tử cung
- D. Rối loạn tiêu hóa
- E. Thoát vị nội

21. Bệnh nhân nữ 30 tuổi, đau âm i quanh rốn 2 ngày, sốt 38°C , không tiêu chảy. Tiền căn: khỏe mạnh. Tinh, niêm hồng. Ấn đau vừa kèm nhẹ vùng hố chậu phải. Các vùng bụng khác ấn không đau. Cần cho bệnh nhân làm hình ảnh gì để chẩn đoán

- A. Chụp cộng hưởng từ bụng chậu
- ☒ B. Siêu âm bụng
- C. Chụp cắt lớp vi tính bụng chậu cản quang
- D. X-quang bụng đứng
- E. Siêu âm đầu dò âm đạo

22. Bệnh nhân bị đâm bằng dao nhọn vào vùng dưới sườn phải, vào viện 6 giờ sau. Khám: sinh hiệu ổn, 1 vết thương 2cm, sắc gọn ở đường trắng bên ngay dưới sườn phải. Triệu chứng nào có giá trị chẩn đoán

- A. Ói ra ít dịch vàng, không có máu
- ☒ B. Ấn đau hố chậu phải và hạ vị ✓
- C. Chảy máu ở vết thương
- D. Không có dịch tiêu hóa ở vết thương
- E. Ấn đau dưới sườn phải

23. Tam chứng hay gặp trong ung thư đầu tụy là

- A. Đau thượng vị, sụt cân, xuất huyết tiêu hóa
- ☒ B. Đau thượng vị, sụt cân, vàng da
- C. Đau thượng vị, u thượng vị, vàng da
- D. Đau thượng vị, u thượng vị, xuất huyết tiêu hóa

- Đau thượng vị, xuất huyết tiêu hóa, vàng da
24. Bệnh nhân nữ, 78 tuổi, bị đau bụng 2 ngày nay. Đau từng cơn, bụng chướng, nửa bụng trái gồ cao và kèm bí trung đại tiện. X quang bụng đứng: mức nước hơi rất to chiếm gần hết bụng. Khám bụng có phản ứng phúc mạc. Nguyên nhân là
- Lồng hồi-dại tràng
 - Bệnh phình đại tràng
 - Ung thư đại tràng chậu hông
 - Viêm túi thừa đại tràng chậu hông
 - E. Xoắn đại tràng chậu hông**
25. Biến chứng sớm II gặp sau mổ chấn thương - vết thương bụng
- Chảy máu
 - Bỏ sót thương tổn
 - C. Tắc ruột**
 - Nhiễm trùng vết mổ, bung thành bụng
 - Viêm phúc mạc, áp-xe tồn lưu
26. Trong các loại rò hậu môn sau đây, loại rò nào là đơn-giản nhất
- Rò trên cơ thắt
 - B. Rò dưới niêm mạc da**
 - Rò xuyên cơ thắt
 - Rò chột
 - Rò giữa 2 cơ thắt
27. Bệnh nhân nam, 48 tuổi, 8 tháng trước bị carcinoma tuyến phần ngang bờ cong nhỏ dạ dày; giai đoạn T3N2M0. Bệnh nhân được cắt bán phần dưới dạ dày và nạo hạch limpho, tái lập lưu thông bằng nối vị tràng theo phương pháp Billroth 2. 1 tháng nay bệnh nhân ăn uống kém, đau thượng vị âm ỉ, sụt 2Kg, táo bón, BMI 19. Niêm hồng nhạt. Bụng mềm xẹp, ấn không điểm đau. Chẩn đoán nào có khả năng nhất
- Ung thư đại tràng
 - Viêm miệng nối vị-tràng
 - Di căn ổ bụng
 - D. Ung thư tái phát**
 - Dính ruột
28. Bệnh nhân nam, 20-40 tuổi, bị đau bụng cấp, đến khám tại bệnh viện, bác sỹ sẽ làm gì.
- CHỌN CÂU SAI**
- Khó định bệnh
 - Quá 6 giờ mà không khởi can thiệp trọng tối đa
 - C. Chụp cộng hưởng từ để chẩn đoán**
 - Cần theo dõi thật sát
 - Phải khám toàn diện bệnh nhân
29. Ung thư đại - trực tràng. **CHỌN CÂU SAI**
- Chế độ ăn nhiều mỡ, ít chất sợi từ thực vật là một yếu tố thuận lợi
 - Đứng hàng thứ hai trong số các ung thư đường tiêu hóa tại Việt Nam
 - C. Gặp nhiều ở đại tràng phải**
 - Thường gặp ở lứa tuổi trung niên (40 - 60 tuổi)

E. Tỷ lệ Nam/nữ khoảng 1,1-1,3

30. Trong thăm khám hậu môn-trực tràng, tư thế bệnh nhân khi nhìn được chọn tốt nhất là

A. Nằm nghiêng trái

B. Nằm sấp

C. Nằm ngửa

D. Nằm chống hông

E. Nằm nghiêng phải

31. Bệnh nhân bị xơ gan trên nền viêm gan B, viêm gan C, để tầm soát ung thư tế bào gan, mỗi 3 tháng nên làm gì cho bệnh nhân

A. Khám lâm sàng

B. Chụp cắt lớp vi tính ổ bụng

C. Định lượng AFP hoặc AFP-L3

D. Siêu âm Doppler

E. Chụp động mạch gan

32. Bệnh nhân nam, 30 tuổi, vào viện vì đau bụng dưới sườn phải 3 ngày, sốt 39°C. Mạch 90 lần/phút, Huyết áp 120/70mmHg, Vàng mắt. Ấn đau dưới sườn phải vừa, không đề kháng, thượng vị và dưới sườn trái đau ít. Cần cho bệnh nhân làm các cận lâm sàng nào. **NGOẠI TRÙ**

A. X-quang bụng

B. Siêu âm bụng

C. Công thức máu

D. Bilirubin, men gan

E. Amylase

33. Bệnh nhân nữ 38 tuổi, đau bụng từng cơn sau khi ăn bánh cuốn 6 giờ, đau tăng dần, ói 3 lần ra thức ăn kèm giảm đau sau ói, không sốt, không đi tiêu. Tiền căn: khoẻ mạnh. Thể trạng tốt, Niêm hồng. Bụng chướng nhẹ, bụng mềm, ấn không điểm đau, âm ruột tăng và âm sắc cao. Chẩn đoán lâm sàng của bệnh nhân

A. Viêm ruột thừa

B. Viêm túi mật

C. Ngộ độc thức ăn

D. Viêm tụy cấp

E. Tắc ruột do bít

34. Tại trạm y tế một tỉnh miền núi, Một bé trai, 40 tháng tuổi, đau bụng từng cơn 8 giờ, ói nhiều, không đi tiêu. Cha mẹ bé nói bé chưa phải mổ hay dùng thuốc bao giờ. Bé gầy, da xanh, tay chân mát mũi rất đỏ. Bụng chướng vừa. Bụng mềm, không sờ được khối u. Âm ruột tăng, âm sắc cao. Thỉnh thoảng bé lăn lộn vì đau. Bệnh nhân bị tắc ruột do

A. Giun

B. Lòng ruột

C. Teo ruột

D. Thoát vị nội

E. Bã thức ăn

35. Trong ung thư gan nguyên phát. **CHỌN CÂU SAI**

A. Khoảng 80% bệnh nhân ung thư gan có HBsAg dương tính

- B. Ở Châu Âu xơ gan do rượu là nguyên nhân phổ biến ở bệnh nhân ung thư gan có xơ gan
 C. Viêm gan do siêu vi C có thể dẫn đến xơ gan và ung thư gan
 D. Loại viêm gan siêu vi lây qua đường ăn uống, không điều trị triệt để có thể dẫn đến ung thư gan
 E. Estrogen, anabolic steroids có thể gây ung thư gan trên thực nghiệm
36. Giải phẫu học trong thoát vị vùng bẹn. **CHỌN CÂU SAI**
 A. Ông phúc tinh mạc nằm trong thừng tinh
 B. Ông Nuck đi theo dây chằng tròn
 C. Dây chằng bẹn là bờ dưới cân cơ chéo ngoài
 D. Tam giác Hesselbach tương ứng với hố bẹn giữa
 E. Túi thoát vị bẹn trực tiếp nằm ngoài bó mạch thượng vị dưới
37. Chỉ định nội soi đại tràng cho các bệnh nhân trường thành nào nào sau đây. **CHỌN CÂU SAI**
 A. Rối loạn tiêu hóa
 B. Có tiền sử cắt polyp đại tràng qua nội soi
 C. Gia đình có người bị đa polyp đại tràng
 D. Tiêu ra máu
 E. Tiền sử viêm loét đại tràng mạn tính
38. Vai trò của nhiễm H. pylori có trong các bệnh lý nào, **CHỌN CÂU SAI**
 A. Viêm loét dạ dày-tá tràng và các biến chứng
 B. Nguy cơ của ung thư biểu mô tuyến dạ dày
 C. Nguy cơ ung thư biểu mô tuyến đại tràng
 D. Bệnh lý khác ngoài đường tiêu hóa
 E. U MALT
39. Bệnh nhân nam 50 tuổi. Đau thượng vị đột ngột, mức độ nhiều, ói 1 lần và không giảm đau sau ói, không sốt, đến bệnh viện 6 giờ sau. Tiền căn: đau thượng vị nhiều đợt, điều trị viêm dạ dày thì đỡ. Thể trạng tốt, niêm hồng. Bụng di động kém. Bụng cứng, ấn đau nửa bụng bên phải, đau nhiều hơn ở thượng vị. Chẩn đoán lâm sàng của bệnh nhân
 A. Viêm túi mật
 B. Viêm tụy cấp
 C. Thủng dạ dày
 D. Ngộ độc thức ăn
 E. Viêm ruột thừa
40. Bệnh nhân nữ, 35 tuổi. 1 tháng trước đã được mổ đường Mac Burney cắt ruột thừa (viêm ruột thừa) tại bệnh viện huyện. Sau mổ 1 tuần bị chảy mủ ở vết mổ, được điều trị kháng sinh tiêm và thay băng 2 tuần rồi ra viện. Bệnh nhân đến khám tại bệnh viện tỉnh: Còn sốt 38°C , đau bụng âm ỉ. Niêm hồng. Vết mổ còn hở 2cm, chảy mủ hôi thối. Bụng mềm, Ấn đau nửa bụng dưới phải. Siêu âm: ổ tụ dịch $3 \times 4\text{cm}$ ở hố chậu phải. Cần xử trí tiếp theo như thế nào
 A. Nội soi đại tràng
 B. Cho bệnh nhân về bệnh viện huyện điều trị tiếp
 C. Cho kháng sinh uống 2 tuần và tái khám
 D. Cho nhập viện để làm chẩn đoán và điều trị
 E. Chụp đại tràng cản quang

41. Bộ ba phương tiện để chẩn đoán tân sinh trong biểu mô cổ tử cung gồm :

- A. Lâm sàng, soi cổ tử cung, định type HPV
- B. Soi cổ tử cung, định type HPV, sinh thiết
- C. Pap'smear, soi cổ tử cung, định type HPV
- D. Pap'smear, soi cổ tử cung, sinh thiết
- E. Lâm sàng, soi cổ tử cung, sinh thiết

42. Chọn 1 câu sai về ung thư cổ tử cung

- A. Có liên quan đến nhiễm HPV
- B. Giao hợp với nhiều người là một yếu tố nguy cơ
- C. Là loại ung thư có liên quan đến nội tiết tố
- D. Đa số trường hợp là ung thư tế bào gai
- E. Tuổi mắc bệnh trung bình trẻ hơn so với ung thư nội mạc tử cung

43. Cách nào sau đây có giá trị nhất giúp chẩn đoán ung thư nội mạc tử cung :

- A. Siêu âm màu với đầu dò âm đạo
- B. Chụp buồng tử cung có cản quang
- C. Tế bào học dịch hút tử lòng tử cung
- D. Nạo sinh thiết buồng tử cung
- E. Xét nghiệm CEA và CA 125

44. Triệu chứng lâm sàng thường gặp nhất của u xơ tử cung :

- A. Cảm giác trằn nặng bụng dưới
- B. Bụng to ra
- C. Thống kinh
- D. Rong huyết
- E. Bí tiểu

45. Loại u xơ tử cung dễ lẫn với u nang buồng trứng nhất :

- A. U xơ dưới niêm mạc có cuống
- B. U xơ dưới thanh mạc có cuống
- C. U xơ trong cơ ở góc tử cung
- D. U xơ trong cơ ở mặt sau tử cung
- E. U xơ ở đoạn eo tử cung

46. Đặc trưng về mặt sinh hoá của thời kỳ tiền mãn kinh :

- A. Giảm estrogen
- B. Giảm progesterone
- C. Giảm FSH
- D. Giảm LH
- E. Tất cả các yếu tố trên đều giảm

47. Sau mãn kinh người phụ nữ bị tăng nguy cơ bệnh lý mạch vành do:

- A. Giảm progesterone
- B. Giảm estrogen
- C. Giảm LDL (low-density lipoprotein)
- D. Giảm HDL (high-density lipoprotein)
- E. Tất cả các yếu tố trên

48. Yếu tố liên quan nhiều nhất của thai ngoài tử cung :

- A. Tiền căn viêm nhiễm vùng chậu ✓
- B. Tiền căn mổ lấy thai
- C. Đặt vòng tránh thai
- D. Dùng thuốc ngừa thai loại progesterone đơn thuần
- E. U buồng trứng

49. Trong thai ngoài tử cung, triệu chứng nào sau đây gợi ý có xuất huyết nội:

- A. Cảm giác mót rặn
- B. Bụng chướng
- C. Đau khi ấn chẩn vùng hạ vị
- D. Nhu động ruột thưa \checkmark , mất.
- E. Tiểuắt nhất nhiều lần

50. Tiêu chuẩn chẩn đoán thai trứng có nguy cơ cao, chọn câu sai:

- A. Tuổi mẹ lớn hơn 40
- B. Nang hoàng tuyến to $> 6\text{cm}$
- C. Tử cung to hơn tuổi thai.
- D. hCG $> 100.000\text{mIU/mL}$
- E. Thời gian tiềm ẩn trên 6 tháng \checkmark

51. Thai trứng xâm lấn khác với ung thư nguyên bào nuôi ở:

- A. Xảy ra sau thai thường \checkmark
- B. Xảy ra sau tất cả thai kỳ \checkmark
- C. Cho di căn xa.
- D. Không nhạy với hóa chất.
- E. Điều trị phẫu thuật là chủ yếu \checkmark

52. Yếu tố nào sau đây quan trọng nhất để đánh giá tiên lượng của hậu thai trứng:

- A. Diễn tiến nồng độ HCG \checkmark
- B. Diễn tiến thu hồi của tử cung sau hút nạo
- C. Đặc điểm mô học của mô trứng
- D. Sự hiện diện hay không của nang hoàng tuyến

E. Còn ra máu âm đạo hay không

53. U buồng trứng cơ năng có những đặc điểm sau đây, NGOẠI TRỪ:

- A. Kích thước $< 6\text{cm}$
- B. Vỏ mỏng
- C. Không có vách ngăn
- D. Không có chồi vách bên trong
- E. Chứa dịch nhầy \checkmark

54. U buồng trứng dính nhiều với cơ quan lân cận, bên trong chứa dịch nâu sệt thì chẩn đoán được nghĩ đến nhiều nhất:

- A. U nang hoàng tuyến
- B. Nang hoàng thể
- C. U lạc nội mạc tử cung \checkmark
- D. U bì
- E. Ung thư buồng trứng

55. U buồng trứng kèm với thai kỳ thường hay có biến chứng xoắn nhiều nhất vào thời điểm:

- A. 3 tháng đầu thai kỳ
- B. 3 tháng giữa thai kỳ
- C. 3 tháng chót thai kỳ
- D. Những ngày đầu hậu sản
- E. Sau thời kỳ hậu sản

56. Cơ A 22 tuổi, có PARA 0020, đến khám vì vợ kinh 8 tuần, bị đau bụng từ hơn 10 ngày nay. Niêm hồng nhạt, ấn đau bụng dưới. Khám âm đạo: tử cung hơi to, lắc thốn, phía sau và cạnh trái tử cung có 1 khối kích thước khoảng 5 - 6cm lớn nhón, chạm đau. Điều nào không nên làm:

- A. Thử Quick Stick
- B. Siêu âm đầu dị ngã m đạo
- C. Thử cong thức mu
- D. Nội soi ổ bụng chẩn đoán
- E. Chọc ổ bụng sau

57. Tiêu đường có những ảnh hưởng lên thai sau đây, NGOẠI TRỪ:

- A. Tăng nguy cơ sảy thai
- B. Phôi thai nhi trưởng thành muộn hơn
- C. Tăng tỷ lệ tử vong chu sinh
- D. Tăng tỷ lệ phải mổ lấy thai
- E. Trẻ sơ sinh dễ có nguy cơ bị hạ đường huyết

58. Một trong những nguyên nhân khiến phụ nữ có thai dễ bị nhiễm khuẩn niệu là:

- A. Hiện tượng sung huyết vùng chậu
- B. Bàng quang bị chèn ép
- C. Tăng các chủng vi trùng gây bệnh tại âm đạo
- D. Giảm nhu động niệu quản
- E. pH nước tiểu bị thay đổi đáng kể

59. Về nhiễm trùng tiểu trong thai kỳ, chọn câu SAI:

- A. Là một nguyên nhân gây thai nhẹ cân
- B. 10% - 15% trường hợp viêm bồn thận cấp có kèm nhiễm khuẩn huyết
- C. Điều trị kháng sinh trong viêm thận-bồn thận cấp phải kéo dài 10 ngày
- D. Nếu nhiễm khuẩn niệu không triệu chứng thì không cần phải điều trị
- E. Trong thai kỳ chống chỉ định dùng kháng sinh nhóm quinolone

60. Triệu chứng nào sau đây có giá trị nhất để chẩn đoán bệnh tim trong thai kỳ:

- A. Phù mắt
- B. Mạch nhanh
- C. Cảm giác khó thở khi nằm
- D. Đau ngực khi gắng sức
- E. Có tiếng thổi tâm thu ở tim

61. Chẩn đoán chính xác nhất bệnh tim trong thai kỳ dựa vào:

- A. Triệu chứng khó thở khi nằm ngửa
- B. Nghe tim có âm thổi tâm thu

C. X quang lồng ngực thấy bóng tim to

D. Đo điện tâm đồ

E. Siêu âm tim

62. Trong chuyển dạ, nếu có cơn co tử cung tăng, nguyên nhân đầu tiên cần nghĩ đến là

A. Có chướng ngại trên đường tiến của thai nhi

B. Nhiễm trùng ối

C. Đa thai

D. Đa ối

E. Dị dạng tử cung

63. Cơn co tử cung tăng có thể gặp trong tình huống nào sau đây

A. Ngôi ngang

B. Đẻ rớt

C. Nhau bong non

D. Dùng thuốc tăng co không đúng kỹ thuật

E. Tất cả các câu trên đều đúng

64. Biến chứng đáng ngại nhất của cơn co tử cung tăng nếu không được điều trị là

A. Vỡ ối sớm

B. Chuyển dạ kéo dài

C. Vỡ tử cung

D. Rách cổ tử cung

E. Băng huyết sau sanh

65. Các câu sau đây về sanh khó do cơn co tử cung giảm đều đúng, ngoại trừ

A. Rất ít khi dẫn đến biến chứng suy thai

B. Sau sanh dễ bị băng huyết do dờ tử cung

C. Có thể là thứ phát sau một thời gian cơn co tử cung tăng

D. Tương đối ít nguy hiểm cho thai nhi hơn là cơn co tử cung tăng

E. Khó điều trị nội khoa hơn so với cơn co tử cung tăng

66. Khi đã vào chuyển dạ, dấu hiệu nào sau đây gợi ý nhiều nhất đến khả năng khung chậu hẹp ở eo trên

A. Cơn gò thưa

B. Cơn gò cường tính

C. Ngôi thai chưa lọt

D. Dấu hiệu đầu chồm vế

E. Thai suy

67. Yếu tố nào sau đây trong tiền căn sản khoa không có giá trị nhiều để gợi ý đến khả năng khung chậu hẹp quá hẹp

A. Tiền căn chấn thương xương chậu

B. Tiền căn con chết trong chuyển dạ hoặc ngay sau sanh

C. Tiền căn sanh non

D. Tiền căn phải được giúp sanh sau một cuộc chuyển dạ kéo dài

E. Phát triển thể chất và tâm thần của những con trước có vấn đề

68. Tất cả các câu về nghiệm pháp lọt sau đây đều đúng, NGOẠI TRỪ:

A. Chỉ được thực hiện sau khi đã có kết quả quang kích chậu

- B. Chỉ được thực hiện trong ngôi chòm
 C. Chỉ được thực hiện ở nơi có điều kiện phẫu thuật
 D. Chỉ thực hiện khi chuyển dạ đã vào giai đoạn hoạt động
 E. Chống chỉ định nếu có dấu suy thai cấp
69. Điều kiện nào sau đây không bắt buộc phải có để tiến hành làm nghiệm pháp lọt

- A. Có phương tiện hồi sức cho mẹ và thai
 B. Có máy monitoring
 C. Có đủ nhân sự để theo dõi
 D. Có phòng mổ
 E. Tất cả các điều kiện trên đều không cần thiết
70. Phải ngưng làm nghiệm pháp lọt nếu có triệu chứng nào sau đây?

- A. Con gò dồn dập
 B. Tim thai chậm
 C. Phát hiện sa dây rốn
 D. Xuất hiện vòng Bandl
 E. Tất cả các câu trên đều đúng

71. Hai nguyên nhân thường nhất của băng huyết sau sanh:

- A. Đờ tử cung và viêm màng ối
 B. Sốt nhau và rách phần mềm
 C. Tổn thương phần mềm và đờ tử cung
 D. Viêm màng ối và sốt nhau
 E. Sốt nhau và rối loạn đông máu

72. Chọn 1 câu sai về đề phòng băng huyết sau sanh:

- A. Tránh chuyển dạ kéo dài
 B. Chỉ cho rặn khi cổ tử cung mở trọn
 C. Hạn chế giục sanh kéo dài
 D. Bóc nhau nhân tạo sớm cho các trường hợp nguy cơ băng huyết sau sanh
 E. Tiêm truyền oxytocin ngay sau khi thai vừa sổ

73. Ưu điểm của sổ nhau tích cực, chọn câu sai:

- A. Giảm tỉ lệ băng huyết sau sanh với lượng máu mất 500ml – 1000ml
 B. Giảm tỉ lệ sót buồng tử cung
 C. Giảm tỉ lệ băng huyết sau sanh với lượng máu mất >1000ml
 D. Rút ngắn thời gian của giai đoạn 3 của chuyển dạ
 E. Giảm tỉ lệ thai phụ cần được truyền máu

74. Dấu hiệu điển hình nhất của nhau bong non:

- A. Tử cung co cứng
 B. Đau lưng
 C. Xuất huyết âm đạo đỏ tươi
 D. Thai suy
 E. Nước ối đỏ nâu

75. Chọn 1 câu sai về đặc điểm ra máu trong nhau tiền đạo:

- A. Máu đỏ tươi
 B. Tự cầm

- C. Tái phát
D. Không kèm đau bụng
E. Chỉ xuất hiện sau tuần 30 của thai kỳ
76. Đặc điểm sinh bệnh học trong tiền sản giật :
A. Co mạch
B. Giảm độ nhầy máu
C. Tăng khối lượng tuần hoàn
D. Tăng độ thanh thải creatinine tại thận
E. Tất cả các câu trên đều đúng
77. Tiền sản giật nặng có thể dẫn đến biến chứng nào sau đây ?
A. Thai chết
B. Nhau bong non
C. Suy thận cấp
D. Suy tim
E. Tất cả các câu trên đều đúng
78. Tác nhân thường gặp nhất trong viêm tuyến vú hậu sản :
A. Streptococcus
B. Staphylococcus
C. Klebsiella
D. Escherichia coli
E. Proteus
79. Chọn câu đúng nhất về nhiễm trùng hậu sản :
A. Tình trạng nhiễm trùng trong vòng 4 tuần đầu sau sanh
B. Tình trạng sốt cao kèm mệt mỏi trong thời kỳ hậu sản
C. Tình trạng nhiễm trùng trong thời kỳ hậu sản
D. Nhiễm trùng bắt nguồn từ cơ quan sinh dục trong 6 tuần sau sanh
E. Nhiễm trùng từ cung và phần phụ trong vòng 6 tuần sau sanh
80. Hình thái lâm sàng thường gặp nhất trong nhiễm trùng hậu sản :
A. Viêm nội mạc tử cung
B. Viêm chu cung
C. Viêm phúc mạc vùng chậu
D. Nhiễm trùng huyết
E. Viêm phúc mạc toàn bộ
81. Câu nào sai khi nói về VMMP nguyên phát.
A. Vi trùng hiện diện trong khoang màng phổi kéo theo bạch cầu đa nhân trung tính gia tăng.
B. Biến chứng đáng sợ nhất của VMMP là dò mủ ra thành ngực. *Đỡ nhẹ hơn*
C. Chuyển hóa yếm khí làm glucose dịch màng phổi giảm và toan hóa dịch.
D. Triệu chứng lâm sàng điển hình là hội chứng nhiễm trùng rầm rộ, đau ngực khu trú
E. Giai đoạn 1 chỉ cần điều trị nội khoa: kháng sinh & chọc hút dịch màng phổi.
82. Nguyên nhân chủ yếu gây tử vong trong vết thương tim gồm:
A. Mất máu cấp kèm suy hô hấp cấp.
B. Mất máu cấp kèm tràn khí màng phổi lượng nhiều.
C. Chèn ép tim cấp và mất máu cấp.

D. Chèn ép tim cấp và suy hô hấp cấp.

E. Tất cả các câu đều đúng

83. Trong các loại bướu giáp độc tính dưới đây, loại nào có chỉ định điều trị bằng phẫu thuật.

A. Bướu Basedow điều trị nhiều năm không có kết quả, bệnh tái phát nhiều lần.

B. Bướu Basedow điều trị nội khoa ổn định (mạch trên dưới 80 lần/phút, chuyển hóa cơ bản giảm rõ rệt trên dưới (+) 15 - (+) 20%, bướu không lớn lắm)

C. Bướu Basedow đã vô biến chứng ở hệ thống tim mạch (loạn nhịp hoàn toàn, suy tim ở các mức độ khác nhau).

D. Bướu Basedow với bướu giáp lớn, chèn ép khí quản, gây khó thở, điều trị nội khoa bảo tồn có kết quả tốt về mặt bệnh lý, cường giáp ổn định.

E. Tất cả đều đúng.

84. Trong viêm màng ngoài tim có thất câu nào sau đây sai:

A. Viêm dày hoặc canxi hóa hai lá màng ngoài tim, khiến tim không giãn ra được.

B. Nguyên nhân thường gặp: Lao, xạ trị, hoặc sau mổ

C. Cần phân biệt với bệnh cơ tim hạn chế.

D. Can thiệp phẫu thuật là tốt nhất.

E. Chọc hút + điều trị CORTICOID là tốt nhất.

85. Điều trị viêm màng ngoài tim có thất.

A. Cắt màng ngoài tim, đặc biệt là vùng thất phải.

B. Ưu tiên đường mổ ngực phải.

C. Chỉ cần mở cửa sổ màng ngoài tim.

D. Cần điều trị nội khoa trước mổ.

E. Không nên chọn đường mổ dọc xương ức.

86. Phương pháp hiệu quả và an toàn nhất sử dụng để cấp cứu vết thương mạch máu là:

A. Đặt ga rô.

B. Băng ép chặt toàn bộ.

C. Băng ép có trọng điểm.

D. Bộc lộ kẹp mạch máu đang chảy ngay.

E. Thất mạch máu đang chảy.

87. Xét nghiệm có giá trị nhất để chẩn đoán có tình trạng bế tắc sau thận là:

A. Siêu âm thấy hai thận trương nước.

B. UIV thấy thận cầm

C. Phân tích nước tiểu thấy có nhiều tinh thể

D. Chụp đồng vị phóng xạ thận có tiêm furosemide.

E. Chụp đồng vị phóng xạ thận tiêm thuốc cản quang

88. Ống Wolff (wolffian duct), CHỌN CÂU ĐÚNG:

A. Có nguồn gốc nội phôi điệp (mesoderm), thoái hóa khi thai nhi là nữ.

B. Nụ niệu quản sinh ra từ đoạn cuối của ống Wolff.

C. Vùng tam giác bàng quang phát triển từ đoạn giữa của ống Muller

D. Ống dẫn tinh chính là phần còn lại của ống Muller trên người đàn ông.

E. Còn gọi là tiền thận (pronephros).

89. Tinh hoàn ẩn (cryptorchidism) là, CHỌN CÂU SAI:

A. Dễ gây ung thư nên phẫu thuật sớm.

- B. Tinh hoàn không xuống bìu (undescended testis, testicular maldescent).
 C. Tinh hoàn ẩn dạng lâm sàng trong ống bẹn.
 D. Tinh hoàn ẩn dạng lâm sàng trong ổ bụng.
 E. Có thể có biến chứng xoắn tinh hoàn

90. Lao niệu: Sự lây lan của Mycobacterium tuberculosis phụ thuộc vào yếu tố nào sau đây?

- A. Lượng vi khuẩn hít vào
 B. Độ lây nhiễm của dòng mycobacterium
 C. Thời gian tiếp xúc với nguồn lây bệnh
 D. Tình trạng miễn dịch của cá thể phơi nhiễm
 E. Tất cả đúng.

91. Đặc điểm của niệu đạo sau, câu ĐÚNG là:

- A. Vùng có các cơ thắt bao bọc.
 B. Niệu đạo tuyến tiền liệt và niệu đạo màng.
 C. Gồm có niệu đạo màng và niệu đạo hành
 D. Phân niệu đạo đi từ phía sau bìu cho đến bàng quang.
 E. Niệu đạo tuyến tiền liệt và niệu đạo hành

92. Cơ chế gây vỡ niệu đạo trước là:

- A. Bệnh nhân bị ngã đập mông trên 1 vật cứng.
 B. Khi bị đặt thông niệu đạo - bàng quang nhiều lần
 C. Do chấn thương gãy xương ụ ngồi mất vững.
 D. Có thể gặp sau trong bệnh cảnh gãy dương vật.
 E. Khi đặt ống thông niệu đạo - bàng quang quá lâu.

93. Vị trí xuất phát thường gặp nhất của ung thư cổ tử cung

- A. Mép trước cổ tử cung
 B. Cổ trong cổ tử cung
 C. Vùng chuyển tiếp cổ tử cung
 D. Kênh cổ tử cung
 E. Mép sau cổ tử cung

94. Một phụ nữ 30 tuổi đến khám vì đau vú bên trái và triệu chứng đau nhiều trước hành kinh và sau sạch kinh 1 tuần không hết đau vú. Bệnh nhân hiện không dùng thuốc, không bệnh gì khác về nội ngoại khoa. Khám lâm sàng thấy một mảng dày nhạy đau 3cm ở vị trí 1/4 trên ngoài vú trái, sang thương này có giảm kích thước sau khi hành kinh. Cảm nghĩ chẩn đoán lâm sàng trường hợp này?

- A. Thay đổi sợi bọc tuyến vú
 B. Bướu sợi tuyến
 C. Bướu nhú trong ống
 D. Bướu diệp thể vú
 E. Ung thư vú

95. Ung thư nào sau đây KHÔNG liên quan đến thuốc lá:

- A. Ung thư thực quản
 B. Ung thư bàng quang
 C. Ung thư hạ hầu
 D. Ung thư lưỡi

E) Tất cả câu trên đều SAI

96. Bệnh nhân nam, 50 tuổi, cách đây 1 năm, bệnh nhân đi cầu ra máu, được chẩn đoán bệnh trĩ, điều trị nội khoa có hiệu quả. Trong 2 tháng nay, bệnh nhân đi cầu ra máu trở lại, không một lần đến khám tại bệnh viện. Bác sĩ thăm khám trực tràng bằng ngón tay phát hiện búi trĩ ở vị trí 7 giờ và 12 giờ, rút gắng có máu. Trong trường hợp này, xử trí tiếp theo là:

- A. Bệnh nhân này bị trĩ, tiếp tục điều trị nội khoa như lần trước
- B. Chụp CT-scan bụng chậu có cản quang
- C. Nội soi đại trực tràng
- D. Xét nghiệm phân tìm ký sinh trùng đường ruột
- E. Siêu âm bụng chậu

97. Di căn thường gặp nhất trong ung thư tuyến tiền liệt

- A. Di căn phổi
- B. Di căn xương thể tạo xương
- C. Di căn xương thể hủy xương
- D. Di căn hạch hẹn và hạch chậu
- E. Di căn gan

98. Phương tiện quan trọng nhất để xác định tính chất lành ác của hạt giáp

- A. Siêu âm tuyến giáp
- B. Xạ hình tuyến giáp
- C. Xét nghiệm máu
- D. Chọc hút sinh thiết hạt giáp bằng kim nhỏ
- E. Chọc hút sinh thiết hạt giáp bằng kim lớn

99. Nguyên nhân chính gây nên sốc chấn thương là:

- A. Gãy nhiều xương.
- B. Gãy xương lớn.
- C. Do đau quá mức hoặc do mất máu nhiều.
- D. Do vận chuyển bệnh nhân vội vã.
- E. Tất cả đều đúng.

100. Ngay sau khi bị gãy một xương lớn, bệnh nhân có thể có các biến chứng sau:

- A. Sốc, tắc mạch máu do mỡ, chèn ép khoang, viêm xương.
- B. Sốc, chèn ép khoang, chèn ép thần kinh, rối loạn dinh dưỡng.
- C. Chèn ép khoang, liệt thần kinh ngoại biên, đứt mạch máu, chẹn, gãy, hở, ...
- D. Tắc mạch máu do mỡ, đứt mạch máu, đứt thần kinh, Cal lệch, khớp giả.
- E. Tất cả đều đúng.

101. Trong các vùng giải phẫu sau đây, vùng nào cho kết quả khâu nối gân kém nhất?

- A. Mắt trước đốt 3.
- B. Mắt trước 2 đốt 1 và 2.
- C. Mắt trước gan tay.
- D. Vùng ống cổ tay.
- E. Vùng trước trên cổ tay.

102. Khi nói về chèn ép khoang, có những ý kiến sau đây, điều nào SAI?

- A. Chèn ép khoang là biến chứng thường gặp nhất trong gãy 1/3 trên cẳng chân.
- B. Sưng căng đè ép động mạch khoeo gọi là chèn ép khoang khoeo.

- Chèn ép khoang có thể do những nguyên nhân bên ngoài như băng bột chặt.
Trong chèn ép khoang có thể vẫn sờ được mạch vì áp lực ở đó không đủ sức đè bẹp mạch.
Chèn ép khoang sẽ làm nặng hơn tình trạng sốc của bệnh nhân.
103. Test McMurray dùng để chẩn đoán :

A. Đứt dây chằng bên.
B. Đứt dây chằng chéo.
C. Rách sụn chêm.
D. Tổn thương bao khớp sau khớp gối.
E. Tổn thương dây chằng bánh chè.

104. Phương pháp chẩn đoán hình ảnh rõ nhất trong chấn đoán bong gân là :

A. X-quang quĩ ước.
B. X-quang động.
C. CT-Scan.
D. MRI.
E. Siêu âm.

105. Em bé 10 tuổi bị gãy xương cánh tay, chụp X-quang sau khi nắn xương thấy còn di lệch.

Loại di lệch nào dưới đây cần phải sửa :

A. Chồng ngán 2 cm.
B. Sang bên 1 thân xương.
C. Gập góc mở ra sau 20° .
D. Xoay ngoài.
E. Gập góc mở vào trong 10° .

106. Chọn câu SAI : Chụp X-quang gãy xương trẻ em, cần chú ý :

A. Chụp cả 2 bên, bên chỉ tổn thương và bên chi lành.
B. Chỉ cần chụp phim mặt.
C. Trẻ em có nhiều xương phụ để nhầm là gãy xương.
D. Xem kỹ ở đầu xương để phát hiện và điều trị sớm các gãy bong sụn tiếp hợp.
E. Có khi có gãy xương nhưng không thấy đường gãy.

107. Theo Gustilo gãy xương hở độ II là một gãy xương :

A. Vết rách da chỉ bằng 1 cm.
B. Tổn thương phần mềm rộng có tróc da, đường gãy xương ngang hoặc chéo ngắn.
C. Tổn thương phần mềm vừa phải có lộ đầu xương và tróc màng xương.
D. Tổn thương phần mềm và tổn thương cấu trúc thần kinh, mạch máu.
E. Tổn thương phần mềm rộng đòi hỏi tạo hình che phủ xương lộ.

108. Sốc chấn thương thường gặp trên bệnh nhân gãy xương lớn hoặc gãy nhiều xương. Nó có thể dẫn đến những vấn đề sau (hãy chọn câu SAI) :

A. Tử vong.
B. Tắc mạch máu do mỡ.
C. Làm nặng thêm chèn ép khoang.
D. Gãy xương hở.
E. Suy thận.

109. Sau khi nắn trật khớp vai, cho bệnh nhân chụp X-quang kiểm tra bình diện mặt ở tư thế căng tay để sau lưng, nhằm mục đích gì ?

- A. Xem khớp có bị trật lại không.
- B. Xem cung bả vai cánh tay có bị gãy không.
- ☒ C. Xem có dấu hiệu lún chỏm không.
- D. Xem hõm khớp có bị gãy, nứt không.
- E. Xem mẫu động lớn nơi bám của cơ trên gai có tổn thương không.

110. Đặc điểm của phương pháp nắn khớp vai theo Hipocrate là :

- ☒ A. Chỉ cần một người nắn cũng được.
- B. Nạn nhân không cần gây tê hoặc mê.
- C. Bệnh nhân được cho ngồi trên ghế để nắn.
- D. Khớp nắn vào lúc nào không hay biết.
- E. Cần có sự hợp tác tốt của bệnh nhân.

111. Trong gãy 2 xương cẳng tay, chúng ta chú ý đến vận động sấp-ngửa. Các thành phần sau đây tham gia chính các vận động này:

- ☒ A. Cơ nhị đầu, cơ sấp tròn, cơ ngửa ngắn, cơ sấp vuông.
- B. Cơ ngửa ngắn, cơ ngửa dài, cơ sấp tròn, cơ sấp vuông.
- C. Cơ nhị đầu, cơ cánh tay quay, cơ sấp cổ tay quay, cơ sấp cổ tay trụ.
- D. Cơ tam đầu, cơ nhị đầu, cơ duỗi cổ tay, cơ ngửa ngắn.
- E. Cơ ngửa ngắn, màng liên cốt, cơ sấp tròn, cơ sấp vuông.

112. Gãy Monteggia là loại gãy xương :

- ☒ A. Gãy đầu trên xương trụ và trật khớp quay trụ trên.
- B. Gãy đầu dưới xương quay và trật khớp cổ tay.
- C. Gãy 1/3 trên xương trụ và trật chỏm xương quay.
- D. Gãy 1/3 dưới xương trụ và trật chỏm xương trụ.
- E. Gãy 1/3 trên xương trụ và gãy cổ xương quay.

113. Đứt gân gấp nông mà không đứt gân gấp sâu ngón tay thì :

- A. Không gấp được đốt I.
- B. Gấp được đốt 1 nhưng không gấp được đốt 2 và 3.
- C. Không gấp được khớp bàn đốt nhưng duỗi được khớp liên đốt.
- ☒ D. Không gấp được khớp liên đốt 1 khi cố định duỗi các ngón kế cận.
- E. Không gấp được khớp liên đốt xa.

114. Gãy cổ phẫu thuật xương cánh tay là loại gãy xương :

- ☒ A. Hay gặp ở người già nhất là phụ nữ mãn kinh.
- B. Ở người trẻ thường 2 đầu gãy, cài vào nhau.
- C. Có bầm tím muộn ở mặt ngoài cánh tay và vai.
- D. Khó liền xương hơn các nơi khác (trương tự cổ xương đùi).
- E. Cách điều trị tốt nhất là mổ kết hợp xương.

Sử dụng tình huống sau từ câu 115 đến 119

Bệnh nhân nam, 23 tuổi, bị té từ độ cao 5m chống hai gót chân khi tiếp đất, sau té bệnh nhân đau lưng nhiều và yếu 2 chân nên được sơ cứu tại bệnh viện huyện và chuyển lên bệnh viện tuyến trên:

Khám: yếu hai chân sức cơ 2/5, tê bì từ ngang rốn trở xuống. Đã được đặt thông tiểu tại tuyến huyện do có cầu bàng quang.

115. Phương pháp sơ cứu thích hợp nhất trên bệnh nhân này tại hiện trường (chọn câu sai):

- A. Vác bệnh nhân ra khỏi hiện trường và đưa tới bệnh viện chăm sóc càng tốt.
B. Cần nhiều người di chuyển bệnh nhân thành một khối ra khỏi hiện trường.
C. Có thể đặt bệnh nhân trên tấm ván để cố định bệnh nhân.
D. Nên đặt hai túi cát ở 2 bên đầu để cố định cột sống cổ.
E. Có thể lăn tròn bệnh nhân thành một khối khi di chuyển.

116. Với cơ chế chấn thương như vậy các thương tổn thường gặp trên bệnh nhân này là:

- A. Chấn thương xương gót, xương đùi, cột sống lưng.
B. Chấn thương các tạng đặc như gan, lách thận.
C. Chấn thương tạng rỗng.

☒ D. A + B đúng

E. A + C đúng.

117. Vị trí thương tổn cột sống trên bệnh nhân này ở mức khoản:

A. D7

☒ B. D10

C. L1

D. L5

E. Tất cả đều sai

118. Phân loại Frankel trên bệnh nhân này:

A. A

B. B

☒ C. C

D. D

E. E

119. Cận lâm sàng nên được thực hiện trên bệnh nhân này tại cấp cứu:

A. X-quang cột sống ở vị trí thương tổn thẳng, nghiêng.

B. CTscan cột sống ở vị trí thương tổn thẳng, nghiêng.

C. MRI cột sống ở vị trí thương tổn thẳng, nghiêng.

☒ D. A + B đều đúng

E. A + C đều đúng.

120. Theo thang điểm Glasgow, chấn thương sọ não được xem là nặng khi số điểm là, chọn câu đúng:

A. 12-14

B. 13-15

C. 9-12

☒ D. 3-8

E. 9-14